

Số: 90 /2024/GCNDKHĐ-TCGDNN

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: *HaNoi College of Technology and Trading*

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 252 Hạ Hội, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (trước là Cụm 6, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội)*

Điện thoại: 024.3363.0245;

Fax: 024.3366.5247;

Website: *www.htt.edu.vn*;

Email: *info@htt.edu.vn*

Địa chỉ địa điểm đào tạo:

- Liên kết đào tạo tại: *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Hưng Yên (Số 12 Tây Thành, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên);*

- Liên kết đào tạo tại: *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Ân Thi (Phố Hoàng Văn Thụ, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên);*

- Liên kết đào tạo tại: *Công ty TNHH Giáo dục Smartlearn Thái Nguyên (Tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).*

Quyết định thành lập trường: *Số 7273/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính: Số 252 Hạ Hội, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam			
1	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	5220101	35	Trung cấp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
II	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Phiên dịch tiếng Đức kinh tế, thương mại	6220205	35	Cao đẳng
2	Tiếng Anh	6220206	60	Cao đẳng
		5220206	60	Trung cấp
3	Tiếng Trung Quốc	6220209	30	Cao đẳng
		5220209	30	Trung cấp
4	Tiếng Đức	5220210	35	Trung cấp
5	Tiếng Hàn Quốc	6220211	30	Cao đẳng
		5220211	60	Trung cấp
6	Tiếng Nhật	6220212	20	Cao đẳng
		5220212	20	Trung cấp
III	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh			
1	Logistics	6340113	30	Cao đẳng
		5340113	30	Trung cấp
2	Marketing	6340116	30	Cao đẳng
		5340116	30	Trung cấp
3	Thương mại điện tử	6340122	35	Cao đẳng
		5340122	35	Trung cấp
IV	Nhóm ngành, nghề Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			
1	Tài chính - Ngân hàng	6340202	15	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
V	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán	6340301	150	Cao đẳng
2	Kế toán doanh nghiệp	5340302	30	Trung cấp
VI	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị kinh doanh	6340404	90	Cao đẳng
VII	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ pháp lý			
1	Dịch vụ pháp lý	6380201	15	Cao đẳng
VIII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Công nghệ thông tin	6480201	150	Cao đẳng
2	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	5480202	60	Trung cấp
IX	Nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng			
1	Thiết kế đồ họa	6210402	25	Cao đẳng
		5210402	55	Trung cấp
X	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng			
1	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	6510101	15	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	6510103	15	Cao đẳng
XI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ ô tô	6510216	180	Cao đẳng
		5510216	65	Trung cấp



TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
XII	Nhóm nghề sơ cấp Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Sửa chữa điều hòa không khí ô tô		30	Sơ cấp
2	Sửa chữa hộp số tự động		30	Sơ cấp
3	Sửa chữa điện ô tô chuyên sâu		30	Sơ cấp
4	Sửa chữa ô tô		30	Sơ cấp
XIII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	70	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	35	Cao đẳng
XIV	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Hàn	6520123	15	Cao đẳng
		5520123	15	Trung cấp
XV	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	90	Cao đẳng
		5520205	65	Trung cấp
2	Điện tử dân dụng	6520224	15	Cao đẳng
		5520224	15	Trung cấp
3	Điện dân dụng	6520226	35	Cao đẳng
		5520226	35	Trung cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	35	Cao đẳng
		5520227	65	Trung cấp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
5	Tự động hóa công nghiệp	6520264	30	Cao đẳng
		5520264	30	Trung cấp
XVI	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	Công nghệ may	5540204	25	Trung cấp
XVII	Nhóm ngành, nghề Xây dựng			
1	Xây dựng cầu đường bộ	6580205	35	Cao đẳng
XVIII	Nhóm ngành, nghề Y học			
1	Y sỹ đa khoa	6720101	80	Cao đẳng
		5720101	30	Trung cấp
XIX	Nhóm ngành, nghề Dược học			
1	Dược	6720201	100	Cao đẳng
XX	Nhóm nghề sơ cấp Dược học			
1	Nghiệp vụ kinh doanh cửa hàng dược		60	Sơ cấp
XXI	Nhóm ngành, nghề Điều dưỡng - Hộ sinh			
1	Điều dưỡng	6720301	50	Cao đẳng
			40	Sơ cấp
XXII	Nhóm nghề sơ cấp Điều dưỡng - Hộ sinh			
1	Hộ lý		40	Sơ cấp
XXIII	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật y học			
1	Kỹ thuật phục hình răng	6720605	35	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
XXIV	Nhóm ngành, nghề Công tác xã hội			
1	Công tác xã hội	6760101	30	Cao đẳng
XXV	Nhóm ngành, nghề Du lịch			
1	Du lịch lữ hành	5810101	30	Trung cấp
2	Hướng dẫn du lịch	6810103	60	Cao đẳng
			30	Sơ cấp
XXVI	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng			
1	Quản trị khách sạn	6810201	60	Cao đẳng
2	Ngh nghiệp vụ lễ tân	5810203	30	Trung cấp
			30	Sơ cấp
3	Ngh nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	30	Trung cấp
4	Quản trị nhà hàng	6810206	30	Cao đẳng
5	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	180	Cao đẳng
		5810207	60	Trung cấp
			30	Sơ cấp
XXVII	Nhóm nghề sơ cấp Khách sạn, nhà hàng			
1	Ngh nghiệp vụ bàn, bar		30	Sơ cấp
2	Ngh nghiệp vụ buồng		30	Sơ cấp
XXV III	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ thẩm mỹ			
1	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	35	Cao đẳng

b) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Hưng Yên (Số 12 Tây Thành, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Điện công nghiệp	5520227	20	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	Công nghệ may	5540204	20	Trung cấp

c) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Ân Thi (Phố Hoàng Văn Thụ, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	Công nghệ may	5540204	25	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng			
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	25	Trung cấp

d) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Công ty TNHH Giáo dục Smartlearn Thái Nguyên (Tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	100	Cao đẳng
		5220209	50	Trung cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
2	Tiếng Hàn Quốc	6220211	80	Cao đẳng
		5220211	50	Trung cấp

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 05/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/01/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Thị Việt Hương